|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS THANH AM**  **Năm học: 2021 – 2022** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**  **MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ 6**  **Ngày kiểm tra: 2/11/2021**  **Thời gian: 60 phút** |

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức:***

\* Phần Địa lí:

- Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí.

- Bản đồ. Phương hướng trên bản đồ.

- Tỉ lệ bản đồ.

\* Phần Lịch sử:

- Vì sao phải học Lịch sử. Thời gian trong Lịch sử.

- Xã hội nguyên thủy.

- Xã hội cổ đại.

***2. Năng lực:***

\* Năng lực chuyên biệt:

- Địa lí:

+ Nhận thức sử dụng và khai thác bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, khai thác và sử dụng hình vẽ, tranh ảnh.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.

- Lịch sử:

+ Tái hiện, trình bày lại các sự kiện và quá trình lịch sử, giải thích nguyên nhân, ý nghĩa lịch sử của các sự kiện lịch sử.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng lịch sử vào thực tiễn cuộc sống.

\* Năng lực chung: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề và tính toán.

***3. Phẩm chất:***

- Chăm chỉ, cố gắng, nỗ lực trong học tập và hoàn thành bài kiểm tra.

- Trung thực trong khi làm bài.

**II*.* MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA***(đính kèm trang sau)*

**III*.* ĐỀ KIỂM TRA** *(đính kèm trang sau)*

**IV*.* ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM***(đính kèm trang sau)*

**MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**

**LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHÂN**  **MÔN** | **Chủ đề** | **Nội dung** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **ĐỊA LÍ** | **Bản đồ -**  **Phương hướng thể hiện bề mặt Trái Đất** | **Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí.**  *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* | **3**  **0.75**  **7,5%** | **3**  **0.75**  **7,5%** | **2**  **0.5**  **5%** |  | **8**  **2**  **20%** |
| **Bản đồ. Phương hướng trên bản đồ.**  *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* | **2**  **0.5**  **5%** | **1**  **0.25**  **2,5%** |  |  | **3**  **0.75**  **7.5%** |
| **Tỉ lệ bản đồ.**  *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* |  |  |  | **1**  **0.25**  **2.5%** | **1**  **0.25**  **2.5%** |
| **Tổng số câu**  **Số điểm**  **Tỉ lệ %** | | | **5**  **1.25**  **12.5%** | **4**  **1**  **10%** | **2**  **0.5**  **5%** | **1**  **0.25**  **2,5%** | **12**  **3**  **30%** |
| **LỊCH SỬ** | **Vì sao phải học Lịch Sử** | **Vì sao phải học Lịch sử.**  *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* | **1**  **0.25**  **2.5%** | **2**  **0.5**  **5%** |  |  | **3**  **0.75**  **7.5%** |
| **Các nguồn tư liệu Lịch sử**  *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* | **2**  **0.5**  **5%** |  | **1**  **0.25**  **2.5%** | **1**  **0.25**  **2.5%** | **4**  **1**  **10%** |
| **Cách tính thời gian trong Lịch Sử**  *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* | **2**  **0.5**  **5%** | **1**  **0.25**  **2.5%** |  | **1**  **0.25**  **2.5%** | **4**  **1**  **10%** |
| **Xã hội nguyên thủy** | **Nguồn gốc loài người.**  *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* | **2**  **0.5**  **5%** | **1**  **0.25**  **2.5%** | **1**  **0.25**  **2.5%** |  | **4**  **1**  **10%** |
| **Xã hội nguyên thủy và Sự chuyển hóa của xã hội nguyên thủy**  *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* | **2**  **0.5**  **5%** | **3**  **0.75**  **7.5%** | **2**  **0.5**  **5%** | **1**  **0.25**  **2.5%** | **8**  **2**  **20%** |
| **Xã hội**  **cổ đại** | **Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại**  *Số câu*  *Số điểm*  *Tỉ lệ %* | **2**  **0.5**  **5%** | **1**  **0.5**  **5%** | **2**  **0.25**  **2.5%** |  | **5**  **1.25**  **12.5%** |
| **Tổng số câu**  **Số điểm**  **Tỉ lệ %** | | | **11**  **2.75**  **27.5%** | **8**  **2**  **20%** | **6**  **1.5**  **15%** | **3**  **0.75**  **7.5%** | **28**  **7**  **70%** |
| **Tổng số câu**  **Số điểm**  **Tỉ lệ %** | | | **16**  **4**  **40%** | **12**  **3**  **30%** | **8**  **2**  **20%** | **4**  **1**  **10%** | **40**  **10**  **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS THANH AM**  **Năm học: 2021 – 2022**  **Mã đề: LS&ĐL6I101** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**  **MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ 6**  **Ngày kiểm tra: 2/11/2021**  **Thời gian: 60 phút** |

**Chọn đáp án đúng nhất cho các câu sau:**

**Câu 1: Kinh độ của một điểm là**

A. khoảng cách tính bằng độ từ kinh tuyến gốc đến kinh tuyến đi qua điểm đó.

B. nửa đường tròn nối 2 cực trên mặt quả địa cầu.

C. khoảng cách tính bằng độ từ vĩ tuyến gốc đến vĩ tuyến đi qua điểm đó.

D. vòng tròn bao quanh quả địa cầu và vuông góc với kinh tuyến.

**Câu 2: Vĩ độ của một điểm là**

A. khoảng cách tính bằng độ từ kinh tuyến gốc đến kinh tuyến đi qua điểm đó.

B. nửa đường tròn nối 2 cực trên mặt quả địa cầu.

C. khoảng cách tính bằng độ từ vĩ tuyến gốc đến vĩ tuyến đi qua điểm đó.

D. vòng tròn bao quanh quả địa cầu và vuông góc với kinh tuyến.

**Câu 3: Theo quy ước, đầu phía dưới của kinh tuyến gốc chỉ hướng**

A. tây.

B. đông.

C. nam.

D. bắc.

**Câu 4: Một địa điểm A nằm trên xích đạo và có kinh độ là 500T. Tọa độ địa lí của điểm A là**

A. (00; 500T).

B. (500T; 00).

C. (00; 500).

D. (500; 00).

**Câu 5: Vị trí của một điểm trên bản đồ (hoặc quả địa cầu) được xác định là giao điểm của**

A. đường kinh tuyến gốc và vĩ tuyến gốc.

B. đường kinh tuyến và vĩ tuyến đi qua nó.

C. đường kinh tuyến bắc và kinh tuyến nam.

D. vĩ tuyến đông và vĩ tuyến tây.

**Câu 6: Nằm giữa hướng bắc và hướng đông là hướng**

A. đông nam.

B. tây nam.

C. đông.

D. đông bắc.

**Câu 7: Trên quả Địa Cầu, nếu cứ cách 100 ta vẽ một kinh tuyến thì có tất cả số kinh tuyến là**

A. 360.

B. 36.

C. 260.

D. 26.

**Câu 8: Trên quả Địa Cầu, nếu cứ cách 300 ta vẽ một vĩ tuyến thì có tất cả số vĩ tuyến là**

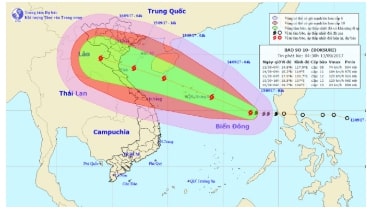
A. 5.

B. 6.

C. 7.

D. 8.

**Câu 9: Cho bản đồ hướng di chuyển của cơn bão Doksuri đổ bộ vào nước ta**



**Bão Doksuri di chuyển vào nước ta theo hướng**

A. tây bắc.

B. đông nam.

C. đông bắc.

D. tây nam.

**Câu 10: Đọc đoạn thông tin sau:**

Sáng 26/12/2017, Trung tâm dự báo khí tượng thuỷ văn Trung ương cho biết, bão số 16 (bão Tembin) đã suy yếu thành áp thấp nhiệt đới. Hồi 4 giờ ngày 26/12, vị trí tâm áp thấp nhiệt đới ở vào khoảng 8,5 độ vĩ bắc; 105,2 độ kinh đông, ngay trên vùng biển ven bờ Bạc Liêu, Cà Mau. Sức gió mạnh nhất ở vùng gần tâm áp thấp nhiệt đới mạnh cấp 6 – 7 (40 - 60 km/giờ), giật cấp 9. Dự báo trong 12 giờ tới, áp thấp nhiệt đới di chuyển chủ yếu theo hướng tây, tốc độ di chuyển 15 - 20 km/giờ; đến 16 giờ ngày 26/12, vị trí tâm áp thấp nhiệt đới ở vào khoảng 8,4 độ vĩ bắc; 103,8 độ kinh đông. Sức gió mạnh nhất ở vùng gần tâm áp thấp nhiệt đới mạnh cấp 6 (40 - 50 km/giờ), giật cấp 8.

**Tọa độ tâm áp thấp nhiệt đới vào 16 giờ ngày 26/12 là**

A. (8,40B; 103,80Đ).

B. (103,80Đ; 8,50B).

C. (8,50B; 105,20Đ).

D. (1050Đ; 8,50B).

**Câu 11: Một điểm C nằm trên kinh tuyến 120⁰ thuộc nửa cầu đông và vĩ tuyến 10⁰ ở phía trên đường xích đạo, cách viết tọa độ của điểm đó là**

A. (100B; 1200Đ).

B. (100N; 1200Đ).

C. (1200Đ; 100N).

D. (1200Đ; 100B).

**Câu 12: Cho bản đồ có tỉ lệ 1: 5000, khoảng cách từ nhà Khánh đến trường THCS Thanh Am là 15cm trên bản đồ. Giả sử Khánh đi bộ với vận tốc trung bình là 1,25m/s. Biết cứ 7 giờ 15 phút sáng bác bảo vệ đóng cổng trường, để không bị muộn học Khánh cần xuất phát từ nhà muộn nhất lúc**

A. 7 giờ 5 phút.

B. 7 giờ 10 phút.

C. 6 giờ 55 phút.

D. 6 giờ 45 phút.

**Câu 13: Lịch sử được hiểu là**

A. những chuyện cổ tích được kể truyền miệng.

B. tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ.

C. những bản ghi chép hay tranh ảnh còn được lưu giữ lại.

D. sự tưởng tượng của con người về quá khứ của mình.

**Câu 14: Phân môn Lịch sử mà chúng ta được học là môn học tìm hiểu về**

A. lịch sử thay đổi của Trái Đất dưới sự tác động của con người.

B. quá trình hình thành và phát triển của xã hội loài người từ khi con người xuất hiện cho đến ngày nay.

C. tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ.

D. những chuyện cổ tích do người xưa kể lại.

**Câu 15: Tư liệu hiện vật là**

A. di tích, đồ vật của người xưa còn được giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất.

B. những lời mô tả về các hiện vật của người xưa được lưu truyền lại.

C. đồ dùng mà thầy cô giáo em sử dụng để dạy học.

D. bản ghi chép, nhật kí hành trình của các nhà thám hiểm trong quá khứ.

**Câu 16: Để dựng lại lịch sử con người cần dựa vào**

A. các tư liệu lịch sử. C. tư liệu hiện vật.

B. tư liệu chữ viết. D. tư liệu truyền miệng.

**Câu 17: Truyền thuyết “Thánh Gióng” của dân tộc ta phản ánh**

A. truyền thống chống giặc ngoại xâm. C. nguồn gốc dân tộc Việt Nam.

B. tinh thần nhân đạo, trọng chính nghĩa. D. truyền thống làm thủy lợi, chống thiên tai.

**Câu 18: Dương lịch là loại lịch dựa theo chu kì chuyển động của**

A. Mặt Trăng quanh Mặt Trời. C. Trái Đất quanh Mặt Trời.

B. Mặt Trăng quanh Trái Đất. D. Mặt Trời quanh Trái Đất

**Câu 19: Con người sáng tạo ra các cách tính thời gian phổ biến trên thế giới dựa trên cơ sở**

A. sự lên, xuống của thuỷ triểu.

B. các hiện tượng tự nhiên như mưa, gió, sấm, chớp,…

C. sự di chuyển của Mặt Trăng quanh Trái Đất và sự di chuyển của Trái Đất quanh Mặt Trời.

D. quan sát sự chuyển động của các vì sao.

**Câu 20: Nhà nước Âu Lạc thành lập năm 208 TCN, sự kiện đó cách đây**

A. 1813 năm.

B. 2229 năm.

C. 1810 năm.

D. 2220 năm.

**Câu 21: Bằng tính toán khoa học một cách chính xác, người ta đã tính được một năm có**

A. 360 ngày 6 giờ.

B. 361 ngày 6 giờ.

C. 365 ngày 6 giờ.

D. 366 ngày 6 giờ.

**Câu 22: Một thiên niên kỉ bằng**

A. 10 năm.

B. 100 năm.

C. 1000 năm.

D. 10000 năm.

**Câu 23: Về cấu tạo cơ thể, Người tối cổ tiến hoá hơn hẳn loài Vượn người ở điểm**

A. trán thấp và bợt ra sau, u mày nổi cao.

B. đã loại bỏ hết dấu tích vượn trên cơ thể.

C. thể tích sọ lớn hơn, đã hình thành trung tâm phát tiếng nói trong não.

D. cơ thể Người tối cổ lớn hơn Vượn người.

**Câu 24: Quá trình tiến hóa của loài người là**

A. Vượn 🡪Tinh tinh 🡪 Người tinh khôn.

B. Vượn cổ 🡪 Người tối cổ 🡪 Người tinh khôn.

C. Người tối cổ 🡪 Người cổ 🡪 Người tinh khôn.

D. Người tối cổ 🡪 Người tinh khôn.

**Câu 25: Dấu tích của Người tối cổ được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam là**

A. răng hoá thạch của Người tối cổ đã được tìm thấy ở hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn).

B. những tấm bia ghi tên những người đỗ tiến sĩ thời xưa ở Văn Miếu (Hà Nội).

C. di tích hoàng thành Thăng Long (số 18, Hoàng Diệu, Hà Nội).

D. trống đồng Đông Sơn (đền Hùng - Phú Thọ).

**Câu 26: Những giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy là**

A. bầy người nguyên thuỷ, công xã thị tộc, bộ lạc.

B. bầy người nguyên thuỷ, Người tinh khôn.

C. bầy người nguyên thuỷ, Người tối cổ.

D. bầy người nguyên thuỷ, công xã thị tộc.

**Câu 27: Tổ chức xã hội đầu tiên của loài người là**

A. làng bản.

B. thị tộc

C. bầy người.

D. bộ lạc.

**Câu 28: Việc phát hiện ra công cụ lao động và đồ trang sức trong các mộ táng của người nguyên thủy đã chứng tỏ**

A. công cụ lao động và đồ trang sức làm ra ngày càng nhiều.

B. quan niệm về đời sống tín ngưỡng xuất hiện.

C. đã có sự phân chia tài sản giữa các thành viên trong gia đình.

D. đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thuỷ đã có sự phát triển.

**Câu 29: Người tối cổ sống theo hình thức**

A. đơn lẻ.

B. theo bầy khoảng vài chục người.

C. thị tộc.

D. thành từng gia đình.

**Câu 30: Người tinh khôn sống theo hình thức**

A. từng bầy, khoảng vài chục người trong các hang động, mái đá.

B. quần tụ trong các thị tộc gồm 2, 3 thế hệ.

C. từng gia đình riêng lẻ, gồm vợ, chồng và con cái.

D. từng bầy riêng lẻ, lang thang trong rừng rậm.

**Câu 31: Con người đã phát hiện và dùng kim loại để chế tạo công cụ lao động vào khoảng thiên niên kỉ thứ**

A. II TCN.

B. III TCN.

C. IV TCN.

D. V TCN.

**Câu 32: Kim loại đầu tiên mà con người phát hiện ra để chế tạo công cụ lao động là**

A. vàng.

B. bạc.

C. đồng đỏ.

D. đồng thau.

**Câu 33: Khi kim loại ra đời, nền sản xuất nông nghiệp của người nguyên thủy có thay đổi là**

A. gia đình phụ hệ thay thế cho gia đình mẫu hệ.

B. xuất hiện của cải dư thừa, dẫn đến sự phân hoá giàu nghèo trong xã hội.

C. xã hội nguyên thủy tan rã.

D. con người khai phá đất hoang, mở rộng diện tích trồng trọt.

**Câu 34: Việc sử dụng công cụ bằng kim loại đã làm cho đời sống xã hội của người nguyên thủy có thay đổi là**

A. con người khai phá đất hoang, mở rộng diện tích trồng trọt.

B. xuất hiện của cải dư thừa, dẫn đến sự phân hoá giàu nghèo trong xã hội.

C. xuất hiện một số nghề mới như dệt vải, làm đồ gốm, đồ mộc....

D. công cụ kim loại thay thế cho công cụ bằng đá.

**Câu 35: Đứng đầu giai cấp thống trị ở Ai Cập cổ đại là**

A. pha-ra-ông.

B. đông đảo quý tộc quan lại.

C. chủ ruộng đất.

D. tầng lớp tăng lữ.

**Câu 36: Xã hội nguyên thủy ở Bắc Bộ Việt Nam đã trải qua các nền văn hóa khảo cổ là**

A. Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun.

B. Phùng Nguyên, Đồng Nai, Sa Huỳnh.

C. Sa Huỳnh, Đồng Đậu, Gò Mun.

D. Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Gò Mun.

**Câu 37: Người Lưỡng Hà dùng vật nhọn có hình tam giác làm “bút” rồi viết lên tấm đất sét ướt, tạo thành chữ cái, đó là loại chữ**

A. La - tinh.

B. hình nêm.

C. tượng hình.

D. nổi.

**Câu 38: Công trình kiến trúc của người Lưỡng Hà cổ đại là**

A. Kim tự tháp Kê-ốp.

B. Vườn treo Ba-bi-lon.

C. Đấu trường Co-li-dê.

D. Tượng đất nung ở lăng Ly Sơn.

**Câu 39: Phát minh quan trọng nhất của Người tối cổ giúp con người không bị lệ thuộc vào thiên nhiên là**

A. chế tác công cụ lao động.

B. biết cách tạo ra lửa.

C. chế tác đồ gốm.

D. luyện kim.

**Câu 40: Người đã thống nhất các công xã (còn gọi là các nôm) thành nhà nước Ai Cập là**

A. Xu-me.

B. La Mã.

C. Mê-nét.

D. Ba Tư.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS THANH AM**  **Năm học: 2021 – 2022**  **Mã đề: LS&ĐL6I102** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**  **MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ 6**  **Ngày kiểm tra: 2/11/2021**  **Thời gian: 60 phút** |

**Chọn đáp án đúng nhất cho các câu sau:**

**Câu 1: Kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin-uýt ở ngoại ô thủ đô Luân-đôn của nước Anh được gọi là**

A. kinh tuyến đông. B. kinh tuyến tây. C. kinh tuyến 900. D. kinh tuyến 00.

**Câu 2: Vĩ độ của một điểm là**

A. khoảng cách tính bằng độ từ kinh tuyến gốc đến kinh tuyến đi qua điểm đó .

B. nửa đường tròn nối 2 cực trên mặt quả địa cầu.

C. khoảng cách tính bằng độ từ vĩ tuyến gốc đến vĩ tuyến đi qua điểm đó.

D. vòng tròn bao quanh quả địa cầu và vuông góc với kinh tuyến.

**Câu 3: Theo quy ước, đầu phía dưới của kinh tuyến gốc chỉ hướng**

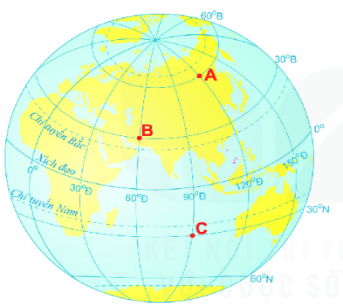
A. tây.

B. đông.

C. nam.

D. bắc.

**Câu 4: Cho hình sau**



**Tọa độ địa lí của điểm A là**

A. (600B; 1200Đ). B. (600Đ; 1200B). C. (300B; 600Đ). D. (600Đ; 300B).

**Câu 5: Vị trí của một điểm trên bản đồ (hoặc quả địa cầu) được xác định là giao điểm của**

A. đường kinh tuyến gốc và vĩ tuyến gốc.

B. đường kinh tuyến và vĩ tuyến đi qua nó.

C. đường kinh tuyến bắc và kinh tuyến nam.

D. vĩ tuyến đông và vĩ tuyến tây.

**Câu 6: Nằm giữa hướng bắc và hướng đông là hướng**

A. đông nam.

B. tây nam.

C. đông.

D. đông bắc.

**Câu 7: Trên quả Địa Cầu, nếu cứ cách 100 ta vẽ một kinh tuyến thì có tất cả số kinh tuyến là**

A. 360.

B. 36.

C. 260.

D. 26.

**Câu 8: Trên quả Địa Cầu, nếu cứ cách 300 ta vẽ một vĩ tuyến thì có tất cả số vĩ tuyến là**

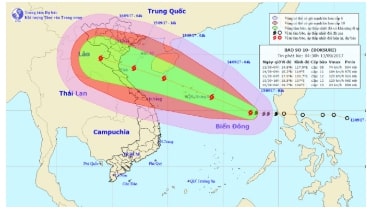
A. 5.

B. 6.

C. 7.

D. 8.

**Câu 9: Cho bản đồ hướng di chuyển của cơn bão Doksuri đổ bộ vào nước ta**



**Bão Doksuri di chuyển vào nước ta theo hướng**

A. tây bắc.

B. đông nam.

C. đông bắc.

D. tây nam.

**Câu 10: Đọc đoạn thông tin sau:**

Sáng 26/12/2017, Trung tâm dự báo khí tượng thuỷ văn Trung ương cho biết, bão số 16 (bão Tembin) đã suy yếu thành áp thấp nhiệt đới. Hồi 4 giờ ngày 26/12, vị trí tâm áp thấp nhiệt đới ở vào khoảng 8,5 độ vĩ bắc; 105,2 độ kinh đông, ngay trên vùng biển ven bờ Bạc Liêu, Cà Mau. Sức gió mạnh nhất ở vùng gần tâm áp thấp nhiệt đới mạnh cấp 6 – 7 (40 - 60 km/giờ), giật cấp 9. Dự báo trong 12 giờ tới, áp thấp nhiệt đới di chuyển chủ yếu theo hướng tây, tốc độ di chuyển 15 - 20 km/giờ; đến 16 giờ ngày 26/12, vị trí tâm áp thấp nhiệt đới ở vào khoảng 8,4 độ vĩ bắc; 103,8 độ kinh đông. Sức gió mạnh nhất ở vùng gần tâm áp thấp nhiệt đới mạnh cấp 6 (40 - 50 km/giờ), giật cấp 8.

**Tọa độ tâm áp thấp nhiệt đới vào 16 giờ ngày 26/12 là**

A. (8,40B; 103,80Đ).

B. (103,80Đ; 8,50B).

C. (8,50B; 105,20Đ).

D. (1050Đ; 8,50B).

**Câu 11: Một điểm C nằm trên kinh tuyến 120⁰ thuộc nửa cầu đông và vĩ tuyến 10⁰ ở phía trên đường xích đạo, cách viết tọa độ của điểm đó là**

A. (100B; 1200Đ).

B. (100N; 1200Đ).

C. (1200Đ; 100N).

D. (1200Đ; 100B).

**Câu 12: Cho bản đồ có tỉ lệ 1: 5000, khoảng cách từ nhà Khánh đến trường THCS Thanh Am là 15cm trên bản đồ. Giả sử Khánh đi bộ với vận tốc trung bình là 1,25m/s. Biết cứ 7 giờ 15 phút sáng bác bảo vệ đóng cổng trường, để không bị muộn học Khánh cần xuất phát từ nhà muộn nhất lúc**

A. 7 giờ 5 phút.

B. 7 giờ 10 phút.

C. 6 giờ 55 phút.

D. 6 giờ 45 phút.

**Câu 13: Lịch sử được hiểu là**

A. những chuyện cổ tích được kể truyền miệng.

B. tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ.

C. những bản ghi chép hay tranh ảnh còn được lưu giữ lại.

D. sự tưởng tượng của con người về quá khứ của mình.

**Câu 14: Phân môn Lịch sử mà chúng ta được học là môn học tìm hiểu về**

A. lịch sử thay đổi của Trái Đất dưới sự tác động của con người.

B. quá trình hình thành và phát triển của xã hội loài người từ khi con người xuất hiện cho đến ngày nay.

C. tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ.

D. những chuyện cổ tích do người xưa kể lại.

**Câu 15: Ý nghĩa của tư liệu chữ viết trong việc nghiên cứu lịch sử là**

A. cho biết tương đối đầy đủ các mặt của cuộc sống, nhưng thường mang ý thức chủ quan của tác giả tư liệu.

B. không cho biết chính xác về địa điểm, thời gian, nhưng phần nào phản ánh hiện thực lịch sử.

C. là tư liệu “câm” nhưng cho biết khá cụ thể và trung thực về đời sống vật chất và phần nào đời sống tinh thần của người xưa.

D. là tư liệu cung cấp thông tin đầu tiên và trực tiếp về sự kiện hoặc thời kì lịch sử nào đó.

**Câu 16: Những bản ghi, sách vở chép tay hay được in, khắc bằng chữ viết gọi chung là tư liệu**

A. truyền miệng.

B. hiện vật.

C. phim ảnh.

D. chữ viết.

**Câu 17: Những tấm bia ghi tên người đỗ Tiến sĩ thời xưa ở Văn Miếu (Hà Nội) thuộc loại tư liệu**

A. hiện vật.

B. truyền miệng.

C. chữ viết.

D. hiện vật và chữ viết.

**Câu 18: Ý nghĩa của tư liệu truyền miệng trong việc nghiên cứu lịch sử là**

A. cho biết tương đối đầy đủ các mặt cuộc sống, nhưng thường mang ý thức chủ quan của tác giả tư liệu.

B. thường không cho biết chính xác về địa điểm, thời gian, nhưng phần nào phản ánh hiện thực lịch sử.

C. là tư liệu “câm” nhưng cho biết khá cụ thể và trung thực về đời sống vật chất và phần nào đời sống tinh thần của người xưa.

D. là tư liệu cung cấp thông tin đầu tiên và trực tiếp về sự kiện hoặc thời kì lịch sử nào đó.

**Câu 19. Âm lịch là loại lịch dựa theo chu kì chuyển động của**

A. Mặt Trăng quanh Mặt Trời.

B. Mặt Trăng quanh Trái Đất.

C. Trái Đất quanh Mặt Trời.

D. Mặt Trời quanh Trái Đất.

**Câu 20: Con người sáng tạo ra các cách tính thời gian phổ biến trên thế giới dựa trên cơ sở**

A. sự lên, xuống của thuỷ triểu.

B. các hiện tượng tự nhiên như mưa, gió, sấm, chớp,…

C. sự di chuyển của Mặt Trăng quanh Trái Đất và sự di chuyển của Trái Đất quanh Mặt Trời.

D. quan sát sự chuyển động của các vì sao.

**Câu 21: Khởi nghĩa Hai Bà Trưng bùng nổ năm 40, sự kiện đó cách đây**

A. 2061 năm.

B. 1981 năm.

C. 1891 năm.

D. 2610 năm.

**Câu 22: Một thập kỉ bằng**

A. 10 năm.

B. 100 năm.

C. 1000 năm.

D. 10000 năm.

**Câu 23: Một thiên niên kỉ bằng**

A. 10 năm.

B. 100 năm.

C. 1000 năm.

D. 10000 năm.

**Câu 24: Về cấu tạo cơ thể, Người tối cổ tiến hoá hơn hẳn loài Vượn người ở điểm**

A. trán thấp và bợt ra sau, u mày nổi cao.

B. đã loại bỏ hết dấu tích vượn trên cơ thể.

C. thể tích sọ lớn hơn, đã hình thành trung tâm phát tiếng nói trong não.

D. cơ thể Người tối cổ lớn hơn Vượn người.

**Câu 25: Những giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy là**

A. bầy người nguyên thuỷ, công xã thị tộc, bộ lạc.

B. bầy người nguyên thuỷ, Người tinh khôn.

C. bầy người nguyên thuỷ, Người tối cổ.

D. bầy người nguyên thuỷ, công xã thị tộc.

**Câu 26: Người tinh khôn sống theo hình thức**

A. từng bầy, khoảng vài chục người trong các hang động, mái đá.

B. quần tụ trong các thị tộc gồm 2, 3 thế hệ.

C. từng gia đình riêng lẻ, gồm vợ, chồng và con cái.

D. từng bầy riêng lẻ, lang thang trong rừng rậm.

**Câu 27: Công xã thị tộc được hình thành gắn liền với sự xuất hiện của**

A. Người tối cổ.

B. Người tinh khôn.

C. loài vượn cổ.

D. nhà nước cổ đại.

**Câu 28: Kim loại đầu tiên mà người Tây Á và Ai Cập phát hiện ra là**

A. đồng thau.

B. đồng đỏ.

C. sắt.

D. nhôm.

**Câu 29: Phát minh quan trọng nhất của Người tối cổ giúp con người không bị lệ thuộc vào thiên nhiên là**

A. chế tác công cụ lao động.

B. biết cách tạo ra lửa.

C. chế tác đồ gốm.

D. luyện kim.

**Câu 30: Con người đã phát hiện và dùng kim loại để chế tạo công cụ lao động vào khoảng thiên niên kỉ thứ**

A. II TCN.

B. III TCN.

C. IV TCN.

D. V TCN.

**Câu 31: Việc phát hiện ra công cụ lao động và đồ trang sức trong các mộ táng của người nguyên thủy đã chứng tỏ**

A. công cụ lao động và đồ trang sức làm ra ngày càng nhiều.

B. quan niệm về đời sống tín ngưỡng xuất hiện.

C. đã có sự phân chia tài sản giữa các thành viên trong gia đình.

D. đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thuỷ đã có sự phát triển.

**Câu 32: Công cụ lao động của người nguyên thủy chủ yếu được làm bằng**

A. đồng.

B. sắt.

C. nhựa.

D. đá.

**Câu 33: Việc sử dụng công cụ bằng kim loại đã làm cho đời sống xã hội của người nguyên thủy có thay đổi là**

A. con người khai phá đất hoang, mở rộng diện tích trồng trọt.

B. xuất hiện của cải dư thừa, dẫn đến sự phân hoá giàu nghèo trong xã hội.

C. xuất hiện một số nghề mới như dệt vải, làm đồ gốm, đồ mộc....

D. công cụ kim loại thay thế cho công cụ bằng đá.

**Câu 34: Ở Lưỡng Hà thời cổ đại, vua được gọi là**

A. hoàng đế.

B. thiên tử.

C. en-xi.

D. pha-ra-ông.

**Câu 35: Nhà nước do vua đứng đầu và toàn quyền quyết định mọi việc gọi là nhà nước**

A. quân chủ chuyên chế.

B. xã hội chủ nghĩa.

C. tư bản chủ nghĩa.

D. quân chủ lập hiến.

**Câu 36: Xã hội nguyên thủy ở Bắc Bộ Việt Nam đã trải qua các nền văn hóa khảo cổ là**

A. Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun.

B. Phùng Nguyên, Đồng Nai, Sa Huỳnh.

C. Sa Huỳnh, Đồng Đậu, Gò Mun.

D. Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Gò Mun.

**Câu 37: Người Ai Cập dùng hình vẽ thực để biểu đạt ý niệm, đó là loại chữ**

A. La - tinh.

B. hình nêm.

C. tượng hình.

D. nổi.

**Câu 38: Công trình kiến trúc của người Lưỡng Hà cổ đại là**

A. Kim tự tháp Kê- ốp.

B. Vườn treo Ba-bi-lon.

C. Đấu trường Co-li-dê.

D. Tượng đất nung ở lăng Ly Sơn.

**Câu 39: Người đã thống nhất các công xã (còn gọi là các nôm) thành nhà nước Ai Cập là**

A. Xu-me.

B. La Mã.

C. Mê-nét.

D. Ba Tư

**Câu 40: Khoảng thiên niên kỉ IV TCN, người đến Lưỡng Hà định cư sớm nhất là**

A. Mê-nét.

B. Ba Tư.

C. La Mã.

D. Xu-me.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS THANH AM**  **Năm học: 2021 – 2022** | **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ 6** |

***Mỗi câu trả lời đúng = 0.25đ***

**1. LS&ĐL6I101**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| Đáp án | A | C | C | A | B | D | B | C | A | A | A | A | B | B | A | A | A | C | C | B |
| **Câu** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **37** | **38** | **39** | **40** |
| Đáp án | C | C | C | B | A | A | C | D | B | B | C | C | D | B | A | A | B | B | A | C |

**2. LS&ĐL6I102**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| Đáp án | D | C | C | A | B | D | B | C | A | A | A | A | B | B | A | D | D | B | B | C |
| **Câu** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **37** | **38** | **39** | **40** |
| Đáp án | B | A | C | C | A | B | B | B | A | C | D | D | B | C | A | B | C | B | C | D |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BGH** | **TỔ CM** | **NGƯỜI RA ĐỀ** |
| ***Lê Thị Ngọc Anh*** | ***Vũ Thu Hường*** | ***Phạm Thị Lan Anh Đặng Thị Huyền*** |